

Điểm giữa kỳ (30%) học phần Toán cơ sở, lớp Bình Chánh K2

STT	Mã số SV	Họ	tên	Điểm	Ghi chú
1	1332	Lê Thị Sơn	Ân	7	Bảy
2	1333	Nguyễn Mỹ	Anh	7	Bảy
3	1334	Nguyễn Thị Trân	Châu	7	Bảy
4	1335	Nguyễn Võ Kim	Chi	9	Chín
5	1336	Cao Thị Thúy	Diệu	7	Bảy
6	1337	Phan Thị	Dung	7	Bảy
7	1338	Bùi Thị Hồng	Đào	8	Tám
8	1339	Nguyễn Hồng	Gấm	NGHỈ	
9	1340	Nguyễn Hữu Bằng	Giang	8	Tám
10	1341	Lại Thị Thu	Hà	NGHỈ	
11	1342	Nguyễn Ngọc	Hải	7	Bảy
12	1343	Hà Thị Mỹ	Hào	8	Tám
13	1344	Phan Thị Diệu	Hiền	10	Mười
14	1345	Phạm Thị Thu	Hiền	7	Bảy
15	1346	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	8	Tám
16	1347	Phạm Thị Tuyết	Hồng	9	Chín
17	1348	Nguyễn Ngọc	Hoài	6	Sáu
18	1349	Phan Viết	Hung	7	Bảy
19	1350	Thân Thị	Huyền	7	Bảy
20	1351	Huỳnh Thị Bích	Huyền	7	Bảy
21	1352	Đỗ Hùng	Khôi	8	Tám
22	1353	Nguyễn Thị	Kiều	8	Tám
23	1354	Nguyễn Kim Thúy	Kiều	7	Bảy
24	1355	Huỳnh Thị	Lập	7	Bảy
25	1356	Võ Thị Hồng	Lan	6	Sáu
26	1357	Võ Thị Bích	Liều	NGHỈ	
27	1358	Phạm Trúc	Linh	7	Bảy
28	1359	Lương Thị Hồng	Loan	9	Chín
29	1360	Hoàng Thị	Lợi	5	Năm
30	1361	Lê Thanh	Luận	7	Bảy
31	1362	Lê Thị Kim	Lý	9	Chín
32	1363	Trương Thị	Ngào	9	Chín
33	1364	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	9	Chín
34	1365	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	8	Tám
35	1366	Bùi Hồng	Nhung	9	Chín
36	1367	Lê Thị Tuyết	Nhung	9	Chín
37	1368	Trần Thị Tuyết	Nhung	9	Chín
38	1369	Phan Thị Ngọc	Nữ	9	Chín
39	1370	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	8	Tám
40	1371	Dương Châu Ngọc	Phương	9	Chín
41	1372	Lại Thị Thu	Thảo	8	Tám

42	1373	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	6	Sáu
43	1374	Ngô Trần Trúc	Thảo	9	Chín
44	1375	Bùi Đặng Hoàng	Thị	8	Tám
45	1376	Tô Thị	Thơ	7	Bảy
46	1377	An Văn	Thịnh	6	Sáu
47	1378	Nguyễn Thị	Thu	NGHỈ	
48	1379	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	6	Sáu
49	1380	Nguyễn Thị	Thu	8	Tám
50	1381	Huỳnh Minh	Thuần	5	Năm
51	1382	Trần Thị Mộng	Thùy	8	Tám
52	1383	Phạm Thị	Thúy	6	Sáu
53	1384	Phạm Thị Hồng	Thúy	NGHỈ	
54	1385	Nguyễn Thị Bích	Thủy	5	Năm
55	1386	Nguyễn Thị Hoàng	Tiên	7	Bảy
56	1387	Nguyễn Thị	Trang	7	Bảy
57	1388	Huỳnh Thanh	Trung	9	Chín
58	1389	Nguyễn Anh	Tuấn	6	Sáu
59	1390	Võ Thị Cẩm	Tú	9	Chín
60	1391	Nguyễn Thị Hoàng Minh	Tuyền	7	Bảy
61	1392	Lê Văn	Út	8	Tám
62	1393	Nguyễn Thị Hồng	Vân	9	Chín
63	1394	Trần Khánh	Vân	8	Tám
64	1395	Lê Thị Thúy	Vân	9	Chín
65	1396	Trần Thị Thu	Vân	7	Bảy
66	1397	Huỳnh Thị Thanh	Xuân	10	Mười
67	1398	Nguyễn Thị Mộng	Xuân	8	Tám
68	1399	Lê Thị	Xuân	10	Mười
69	1400	Trương Ngọc	Yến	7	Bảy
70	1401	Huỳnh Thị Hoàng	Yến	8	Tám
71	1402	Nguyễn Thị Kim	Yến	8	Tám
72	Thủ Đức 4.2	Tô Kiều	Oanh	6	Sáu
73	Quận 5 K9B	Nguyễn Anh	Thư	5	Năm